

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	03 – 05
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	06 – 07
<b>Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng	08 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 – 46

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Mẫu số B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 15.000.000 cổ phần (10.000 đồng/cổ phần).

**2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Bà Vũ Thị Kim Thanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Năng Tuyên	Thành viên
Ông Đào Nguyên Đặng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Trần Bình Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Hoàng Thị Bích Phượng	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Lưu Anh Tuấn	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Thành viên
Bà Ngô Thị Nhài	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Bà Đặng Thị Hà Nguyên	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

#### **3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại : Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

#### **4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

#### **5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Trong năm, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định thành lập 03 Công ty TNHH MTV do Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu làm chủ sở hữu, chi tiết như sau:

- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201865444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 05/04/2018, thay đổi lần thứ 1 ngày 10/08/2018. Vốn điều lệ 30 tỷ VND. Hoạt động từ tháng 7/2018.
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314972461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/04/2018 và thay đổi lần thứ 3 tại 08/05/2018. Vốn điều lệ 12 tỷ VND. Hoạt động từ tháng 7/2018.
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108209134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/04/2018. Vốn điều lệ 12 tỷ VND. Hoạt động từ tháng 7/2018.

#### **6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### **7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

#### **8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng năm 2018 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng năm 2018 hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

**TM. Ban Tổng giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



Trần Bình Phú



Số: 30 /2019/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018  
của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu, được lập ngày 31 tháng 03 năm 2019, được trình bày từ trang 08 đến trang 46 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.7 – Chi phí trả trước, Công ty đang làm việc với các bộ phận có liên quan thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh để xác định phương án mà UBND tỉnh Quảng Ninh sẽ đền bù cho Công ty về các khoản chi phí đã thực hiện dự án. Trên cơ sở đó, Công ty sẽ quyết toán và phân chia chi phí thực hiện dự án này với các đối tác.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán với ý kiến kiểm toán toàn phần có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



  
Dương Thị Thảo  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0162-2018-242-1



Nguyễn Thị Huệ  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2493-2018-242-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>55.248.741.537</b>	<b>97.687.438.147</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12.101.362.905</b>	<b>10.178.300.710</b>
1. Tiền	111	5.1	12.101.362.905	10.178.300.710
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>28.560.813.597</b>	<b>77.416.159.998</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.865.532.534	9.641.076.639
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.106.485.573	5.082.719.891
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	6.911.251.142	40.000.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136	5.5	10.043.539.320	24.058.358.440
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.8	(1.365.994.972)	(1.365.994.972)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>3.376.566.806</b>	<b>3.137.308.413</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.376.566.806	3.137.308.413
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.209.998.229</b>	<b>6.955.669.026</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	3.953.687.079	4.420.892.075
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.717.643.112	2.293.834.660
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	538.668.038	240.942.291
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>281.748.922.281</b>	<b>355.324.096.167</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>717.083.957</b>	<b>825.001.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	717.083.957	825.001.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>147.255.878.535</b>	<b>257.691.135.673</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	139.815.647.272	250.220.104.418
- Nguyên giá	222		398.925.466.237	646.763.665.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(259.109.818.965)	(396.543.561.362)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	7.440.231.263	7.471.031.255
- Nguyên giá	228		7.561.097.914	7.561.097.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.866.651)	(90.066.659)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>116.212.774.482</b>	<b>85.559.407.995</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		64.300.000.000	27.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.372.569.200	3.852.569.200
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		49.950.000.000	54.450.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.409.794.718)	(343.161.205)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.563.185.307</b>	<b>11.248.551.499</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	16.540.729.280	8.981.681.307
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.022.456.027	2.266.870.192
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>336.997.663.818</b>	<b>453.011.534.314</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>153.281.611.175</b>	<b>195.585.768.233</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>100.589.850.439</b>	<b>109.299.253.551</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	11.805.551.639	11.481.285.495
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	36.282.803	104.918.180
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	6.162.306.336	6.137.634.923
4. Phải trả người lao động	314		3.220.513.918	5.690.190.686
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	5.560.193.214	4.334.247.497
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.555.530.494	1.084.664.951
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	6.588.215.239	18.982.604.933
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	63.613.356.405	61.461.774.995
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.047.900.391	21.931.891
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>52.691.760.736</b>	<b>86.286.514.682</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	6.718.815.451	5.990.318.069
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	45.972.945.285	80.296.196.613
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>5.18</b>	<b>183.716.052.643</b>	<b>257.425.766.081</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>183.716.052.643</b>	<b>257.425.766.081</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		33.013.831.925	33.013.831.925
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.410.429.248	3.410.429.248
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(2.708.208.530)	71.001.504.908
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		51.100.913.908	28.445.870.628
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(53.809.122.438)	42.555.634.280
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>336.997.663.818</b>	<b>453.011.534.314</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Người lập



Lương Thị Hà

Kế toán trưởng



Đào Nguyên Đặng



Tổng Giám đốc



Trần Bình Phú

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Mẫu số B 02- DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	186.565.494.318	204.422.676.632
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		186.565.494.318	204.422.676.632
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	191.052.488.364	234.456.949.357
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.486.994.046)	(30.034.272.725)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	12.366.051.115	105.690.656.120
7. Chi phí tài chính	22	6.5	10.224.637.143	7.275.089.485
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.088.364.087	7.004.298.699
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	10.308.843.976	29.045.543.261
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.654.424.050)	39.335.750.649
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.959.360.297	1.382.978.100
12. Chi phí khác	32	6.7	41.869.644.520	204.789.425
13. Lợi nhuận khác	40		(39.910.284.223)	1.178.188.675
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(52.564.708.273)	40.513.939.324
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	225.175.236
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	1.244.414.165	(2.266.870.192)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(53.809.122.438)	42.555.634.280

Người lập



Lương Thị Hà

Kế toán trưởng



Đào Nguyên Đặng

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Trần Bình Phú



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Mẫu số B 03 – DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(52.564.708.273)</b>	<b>40.513.939.324</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		45.842.077.624	47.441.798.818
- Các khoản dự phòng	03		1.066.633.513	320.928.481
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(583.335.412)	(584.362.715)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		22.866.625.071	(105.841.966.042)
- Chi phí lãi vay	06		5.088.364.087	7.004.298.699
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	11.697.958.539
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>21.715.656.610</b>	<b>552.595.104</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16.246.514.014	3.854.152.487
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(239.258.393)	3.567.466.080
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(18.936.921.602)	(11.316.721.687)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.091.842.977)	7.438.987.501
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.746.944.557)	(6.158.314.862)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(225.175.236)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(874.622.500)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>9.072.580.595</b>	<b>(2.287.010.613)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(490.364.268)	(55.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		29.760.000.000	10.180.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(40.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35.500.000.000	
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(36.700.000.000)	(49.950.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		4.980.000.000	94.604.144.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.388.888.273	15.970.826.848
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>42.438.524.005</b>	<b>30.749.970.848</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 03- DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(31.606.063.199)	(55.707.038.992)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.000.000.000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(49.606.063.199)</b>	<b>(55.707.038.992)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>1.905.041.401</b>	<b>(27.244.078.757)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.178.300.710	37.410.640.937
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		18.020.794	11.738.530
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		12.101.362.905	10.178.300.710

Người lập



Lương Thị Hà

Kế toán trưởng



Đào Nguyên Đặng

Hà Nội ngày 31 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc


  
Trần Bình Phú



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng*), tương đương 15.000.000 cổ phần (*10.000 đồng/cổ phần*).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: kinh doanh cảng cạn (ICD), dịch vụ môi giới hàng hải, thuê tàu và cho thuê tàu.

**Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh cảng cạn (ICD);
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Dịch vụ vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5 kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);
- Cung cấp các dịch vụ, nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhờn, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Vận tải hàng hoa bằng đường biển;
- Dịch vụ thuế hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Cho thuê thuyền viên;
- Đại lý tàu biển, đại lý gian nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo ủy thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Cho thuê kho, bãi, văn phòng làm việc và nhà ở.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có 03 đơn vị trực thuộc, 04 công ty con và 03 công ty liên kết. Cụ thể:

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hải Phòng	Số 35, đường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải phòng	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hồ Chí Minh	Số 11, Nguyễn Công Trứ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Tỷ lệ thực góp</u>	<u>Địa chỉ</u>
<b>Công ty Con đã đang hoạt động trong năm</b>		
Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên	94,33%	Km24, Quốc lộ 5A, Vĩnh Khúc, Văn Giang, Hưng Yên
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hải Phòng	100%	Số 35, đường Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hà Nội	100%	74 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	100%	Số 11, Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

<u>Tên Công ty liên kết</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty TNHH Hankyu – Hanshin Express Việt Nam	49%	Phòng 1, tầng 7 tòa nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht	25%	Số 29 – 31 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thành, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Heung – A Shipping Việt Nam	30%	Số 14 Trương Quyền, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

**Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

**3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng năm 2018 kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty và các Chi nhánh trực thuộc có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

**4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**4.5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng

**4.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05–50 năm
- Máy móc thiết bị	05–07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07–15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03– 05 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	04– 05 năm

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm quản lý	03 - 05 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích khấu hao

**4.8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**4.9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- o Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- o Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

**4.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iii) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**4.13. Nguyên tắc kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

**4.14. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

**4.15. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 0% đối với các dịch vụ vận tải quốc tế và 10% với các dịch vụ khác.

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

***Các loại thuế khác:*** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.16. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.17. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

234/2003/QQĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 8.7

**4.18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: Hoạt động vận tải biển, hoạt động giao nhận vận tải, hoạt động kinh doanh kho bãi và các hoạt động kinh doanh khác.

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở thị trường trong nước và nước ngoài.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền mặt

Tiền gửi ngân hàng

Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
	128.369.134	193.121.676
	11.972.993.771	9.985.179.034
	<b>12.101.362.905</b>	<b>10.178.300.710</b>

**5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

**a) Ngắn hạn**

- Ocean Eleven Shipping Corp

- World Courier Asia (Thailand) Co., Ltd

- Công ty TNHH MTV Tiếp Vận Toàn cầu Hàn Việt

- Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh

- Công ty TNHH MTV Vietfrach Hải Phòng

- Các khoản phải thu khách hàng khác

**b) Dài hạn**

Cộng

**c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

- Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh

- Công ty TNHH MTV Vietfrach Hải Phòng

- Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam

	Cuối năm	Đầu năm
	<b>9.865.532.534</b>	<b>9.641.076.639</b>
	1.082.150.000	-
	1.287.721.930	654.101.927
	872.226.300	1.228.212.370
	1.269.903.366	-
	2.264.416.000	-
	3.089.114.938	7.758.762.342
	-	-
	<b>9.865.532.534</b>	<b>9.641.076.639</b>

**5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**a) Trả trước cho người bán ngắn hạn**

- Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long (\*)

- Ban đền bù dự án (\*)

- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phương Anh (\*)

- Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (\*)

- Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hà Nội

- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác

**b) Trả trước cho người bán dài hạn**

**c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan**

(\*) là khoản trả trước cho nhà thầu thi công Dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa.

	Cuối năm	Đầu năm
	<b>3.106.485.573</b>	<b>5.082.719.891</b>
	605.000.000	605.000.000
	200.000.000	200.000.000
	525.000.000	525.000.000
	882.748.175	882.748.175
	-	1.202.235.421
	893.737.398	1.667.736.295
	-	-
	-	-

**5.4 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

**a) Ngắn hạn**

- Công ty TNHH MTV

Xây dựng và Thương

mại Kim Ngọc (\*)

**b) Dài hạn**

(\*) Theo hợp đồng số 01/2017/HĐVV/VFR-KN và 02/2017/HĐVV/VFR-KN ngày 12/09/2017 và phụ lục hợp đồng số 01/2018/VFR-KN ngày 11/08/2018. Tổng số tiền cho vay là 40 tỷ đồng, lãi suất 8%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ nhu cầu tài chính. Khoản cho vay được đảm bảo bằng tín chấp.

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	<b>6.911.251.142</b>		<b>40.000.000.000</b>	
	6.911.251.142	-	40.000.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

5.5 . PHẢI THU KHÁC	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>10.043.539.320</b>	-	<b>24.058.358.440</b>	-
- Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm	5.229.333.970	-	5.229.333.970	-
- Dự thu lãi tiền cho vay	165.112.630	-	733.333.334	-
- Quản lý tàu	1.343.974.090	-	-	-
- Trả hộ hãng tàu các loại phí	51.491.008	-	11.487.030.237	-
+ APL Co. Pte. Ltd	7.572.699	-	2.640.674.542	-
+ Công ty TNHH HEUNG-A SHIPPING Việt Nam	-	-	1.493.913.780	-
+ Công ty TNHH MTV Tiếp vận Toàn cầu Hàn Việt	-	-	44.323.862	-
+ Công ty CP CMA-CGM Việt Nam	43.918.309	-	7.308.118.053	-
- Tạm ứng	844.857.133	-	1.283.862.839	-
- Phải thu khác	1.712.847.177	-	2.857.345.960	-
- Phải trả khác dư Nợ	695.923.312	-	2.467.452.100	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>717.083.957</b>	-	<b>825.001.000</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	584.941.000	-	825.001.000	-
- Phải thu khác	132.142.957	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>10.760.623.277</b>	-	<b>24.883.359.440</b>	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	5.280.000	-	-	-
- Công ty TNHH HEUNG-A SHIPPING	-	-	1.493.913.780	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

5.6 . HÀNG TỒN KHO	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu	3.376.566.806	-	3.137.308.413	-
<b>Cộng</b>	<b>3.376.566.806</b>	<b>-</b>	<b>3.137.308.413</b>	<b>-</b>
5.7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>	
		<b>3.953.687.079</b>	<b>4.420.892.075</b>	
a) Ngắn hạn		-	4.148.999.072	
- Dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa (*)		204.747.336	268.568.000	
- Chi phí tiền ăn các tàu		1.070.543.714	-	
- Phí bảo hiểm		2.678.396.029	3.325.003	
- Chi phí khác		<b>16.540.729.280</b>	<b>8.981.681.307</b>	
b) Dài hạn		4.139.671.998	-	
- Dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa (*)		10.322.823.580	6.523.968.688	
- Chi phí sửa chữa lớn tàu Thăng Long		60.408.147	494.033.067	
- Chi phí sửa chữa lớn tàu Blue-Lotus			854.748.368	
- Chi phí sửa chữa lớn tàu VF Glory		2.017.825.555	1.108.931.184	
- Chi phí dài hạn khác		<b>20.494.416.359</b>	<b>13.402.573.382</b>	
<b>Cộng</b>				

(\*) Dự án thực hiện theo thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Công ty, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO và ông Lương Anh Khoa về việc hợp tác đầu tư dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa. Ngày 28/04/2017, UBND tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định số 1349/QĐ-UBND về việc chấm dứt hoạt động đầu tư dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển hàng hóa do Công ty Cổ phần Vận tải Vietfracht thực hiện. Ngày 29/09/2017, Công ty có biên bản làm việc với Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố Hạ Long và UBND tỉnh Quảng Ninh về việc xác định phương án chi trả chi phí thực hiện dự án. Đến thời điểm này, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

**5.8 . NỢ XẤU**

	Cuối năm		Đầu năm		Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
- Các khoản phải thu ngắn hạn					
Công ty Orion Hanel	174.560.896	-	174.560.896	-	(174.560.896)
Công ty TNHH Vận tải Biển Liên Hợp	40.792.800	-	40.792.800	-	(40.792.800)
Công ty Hong Myung	10.198.200	-	10.198.200	-	(10.198.200)
Công ty TNHH Nanokovi	29.574.780	-	29.574.780	-	(29.574.780)
Công ty Cổ phần An Xuyên	52.170.740	-	52.170.740	-	(52.170.740)
Chi nhánh Công ty TNHH Asian Groupage Services Việt Nam	99.279.512	-	99.279.512	-	(99.279.512)
Công ty TNHH Tiếp vận SAS Vũng Áng	414.021.020	-	414.021.020	-	(414.021.020)
Công ty Protonic Shipping	257.720.000	-	257.720.000	-	(257.720.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Hải Bắc	214.450.000	-	214.450.000	-	(214.450.000)
Các công ty khác	73.227.024	-	73.227.024	-	(73.227.024)
<b>Cộng</b>	<b>1.365.994.972</b>	<b>-</b>	<b>1.365.994.972</b>	<b>-</b>	<b>(1.365.994.972)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**5.9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Cuối năm		Đầu năm		Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
a) Chứng khoán kinh doanh					
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
- Đầu tư vào Công ty con					
+ Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh - tỷ lệ sở hữu 100% (1)	117.622.569.200	(1.409.794.718)	85.902.569.200	(343.161.205)	(*)
+ Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng - tỷ lệ sở hữu 100% (2)	64.300.000.000	-	27.600.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH MTV Vietfracht HN - tỷ lệ sở hữu 100% (3)	12.000.000.000	(*)			(*)
+ Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên - tỷ lệ sở hữu 94,33% (4)	12.000.000.000	(*)	27.600.000.000	-	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
+ Công ty TNHH Hankyu - Hanshin Express Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 49% (5)	3.372.569.200	(1.409.794.718)	3.852.569.200	(343.161.205)	(*)
+ Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht - tỷ lệ sở hữu 25% (6)	1.534.595.200	-	1.534.595.200	-	(*)
+ Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 30% (7)	397.974.000	-	397.974.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 20%	1.440.000.000	(1.409.794.718)	1.440.000.000	(343.161.205)	(*)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
+ Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	49.950.000.000	-	49.950.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà nội - tỷ lệ sở hữu 3,7% (8)	49.950.000.000	-	49.950.000.000	-	(*)

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

#### 5.9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

**Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm**

- (1) Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh thành lập và hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động chính là đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh là 100%
- (2) Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng thành lập và hoạt động tại Hải Phòng với hoạt động chính là đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng là 100%
- (3) Công ty TNHH MTV Vietfracht HN thành lập và hoạt động tại Hà Nội với hoạt động chính là hoạt động hỗ trợ liên quan đến vận tải, chuẩn bị mặt bằng, đại lý môi giới đầu giá. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH MTV Vietfracht HN là 100%
- (4) Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên thành lập và hoạt động tại Hưng Yên với hoạt động kinh doanh chính là Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận, kinh doanh cảng cạn, kho bãi, môi giới hàng hải. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên là 94,33%.
- (5) Công ty TNHH Hankyu - Hanshin Express Việt Nam thành lập và hoạt động tại Hà Nội với hoạt động kinh doanh chính là Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Hankyu - Hanshin Express Việt Nam là 49%.
- (6) Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht thành lập và hoạt động tại Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính là Vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, giao nhận. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht là 25%.
- (7) Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam thành lập và hoạt động tại Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính là Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam là 30%.
- (8) Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội thành lập và hoạt động tại Hà Nội với hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn chuyên doanh. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội là 3,7%.

(\*) Xem Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.6.iv - Giá trị hợp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUẾ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						<b>646.763.665.780</b>
Số dư đầu năm	42.583.852.829	311.969.429	602.317.504.022	1.447.482.357	102.857.143	490.364.268,00
Tăng trong năm	106.523.722,00	-	383.840.546	-	-	383.840.546
- Mua trong năm						
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác	106.523.722					106.523.722
Giảm trong năm	-	-	(248.328.563.811)	-	-	(248.328.563.811)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(248.328.563.811)	-	-	(248.328.563.811)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	42.690.376.551	311.969.429	354.372.780.757	1.447.482.357	102.857.143	398.925.466.237
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	23.281.980.243	311.969.429	371.511.689.429	1.335.065.118	102.857.143	396.543.561.362
Tăng trong năm	1.813.693.850	-	43.917.833.559	79.750.223	-	45.811.277.632
- Số khấu hao trong năm	1.813.693.850	-	43.917.833.559	79.750.223	-	45.811.277.632
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(183.245.020.029)	-	-	(183.245.020.029)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(183.245.020.029)	-	-	(183.245.020.029)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	25.095.674.093	311.969.429	232.184.502.959	1.414.815.341	102.857.143	259.109.818.965
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	19.301.872.586	-	230.805.814.593	112.417.239	-	250.220.104.418
2. Tại ngày cuối năm	17.594.702.458	-	122.188.277.798	32.667.016	-	139.815.647.272

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.775.064.378 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 343.634.085.043 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**5.11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	7.355.097.914	-	-	206.000.000	-	7.561.097.914
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	7.355.097.914	-	-	206.000.000	-	7.561.097.914
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	-	-	-	90.066.659	-	90.066.659
Tăng trong năm	-	-	-	30.799.992	-	30.799.992
- Số khấu hao trong năm	-	-	-	30.799.992	-	30.799.992
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	120.866.651	-	120.866.651
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	7.355.097.914	-	-	115.933.341	-	7.471.031.255
2. Tại ngày cuối năm	7.355.097.914	-	-	85.133.349	-	7.440.231.263

• Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 52.000.000 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

5.12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>11.805.551.639</b>	<b>11.805.551.639</b>	<b>11.481.285.495</b>	<b>11.481.285.495</b>
- Công ty TNHH MTV Đón tàu Phà Rừng	2.604.746.580	2.604.746.580	-	-
- Tổng Công ty hóa dầu Petrolimex - CTCP	1.341.282.000	1.341.282.000	2.607.402.345	2.607.402.345
- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Trọng Hiếu	1.504.151.000	1.504.151.000	1.590.457.000	1.590.457.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đăng Hân	1.400.091.000	1.400.091.000	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	4.955.281.059	4.955.281.059	7.283.426.150	7.283.426.150
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>c) Phải trả người bán các bên liên quan</b>				
+ Công ty TNHH HEUNG-A SHIPPING Việt Nam	2.743.030	2.743.030	-	-
<b>5.13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC</b>				
5.13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>36.282.803</b>	<b>36.282.803</b>	<b>104.918.180</b>	<b>104.918.180</b>
- Công ty TNHH Thương mại và DV Giao nhận hàng hóa F.D.I	1.100.000	1.100.000		
- Chi nhánh Công ty TNHH SCHENKER tại Hà Nội	32.349.499,00	32.349.499,00	42.268.649	42.268.649
- Công ty TNHH EMVINA	-	-	455.500	455.500
- Các đối tượng khác	2.833.304	2.833.304	62.194.031	62.194.031
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>c) Phải trả người bán các bên liên quan</b>				
<b>5.14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC</b>				
5.14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
<b>a) Phải nộp</b>	<b>6.137.634.923</b>	<b>8.347.144.487</b>	<b>8.322.473.073</b>	<b>6.162.306.336</b>
- Thuế GTGT	384.069.271	6.654.436.572	6.673.437.424	365.068.418
- Thuế TNCN	456.838.390	859.872.742	848.758.700	467.952.432
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	759.726.328	728.525.328	31.201.000
- Các loại thuế khác	5.296.727.262	73.108.845	71.751.621	5.298.084.486

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

	Đầu năm	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Cuối năm
<b>b) Phải thu</b>	<b>240.942.291</b>	<b>1.493.395.101</b>	<b>1.195.669.354</b>	<b>538.668.038</b>
- Thuế xuất nhập khẩu	20.301.526	-	-	20.301.526
- Thuế TNDN	219.812.242	-	-	219.812.242
- Thuế nhà đất	-	1.493.395.101	1.195.669.354	297.725.747
- Các loại thuế khác	828.523			828.523

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.15 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>6.588.215.239</b>	<b>18.982.604.933</b>
- Kinh phí công đoàn	193.678.067	236.809.520
- Bảo hiểm xã hội	29.811.244	32.789.690
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	66.340	66.340
- Phải trả, phải nộp khác	5.326.694.942	14.283.641.361
+ <i>Worl Courer Asia (Thailand) Co.,Ltd</i>	155.102.800	87.964.443
+ <i>Trung tâm Kiểm dịch Y tế Quốc Tế</i>	277.385.890	245.901.890
+ <i>Mitsubishi Logistics Corp. China Asia Team</i>	167.577.770	23.392.724
+ <i>Xí nghiệp Mol Phía Bắc</i>		1.371.639.899
+ <i>Các khoản khác</i>	4.726.628.482	12.554.742.405
- Phải thu khác (dư có)	777.151.146	4.072.869.522
+ <i>Ect Sa</i>	161.264.500	159.581.740
+ <i>AI Logistics Co.,Ltd</i>	133.496.140	150.739.417
+ <i>BISON EXPRESS B.VVROON SHIP MANAGENEMT</i>		691.298.443
+ <i>RAFFLES SHIPMANAGEMENT SERVICES PTE LTD</i>		438.076.550
+ <i>Các khoản khác</i>	482.390.506	2.633.173.372
- Nhận ký quỹ, ký cược	260.813.500	356.428.500
<b>b) Dài hạn</b>	<b>6.718.815.451</b>	<b>5.990.318.069</b>
- Phải trả dài hạn khác	5.891.228.115	5.177.932.469
+ <i>Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO</i>	4.230.000.000	4.230.000.000
+ <i>Xí nghiệp Mol Phía Bắc</i>	1.371.639.899	-
+ Phải trả dài hạn khác	289.588.216	947.932.469
- Nhận ký quỹ, ký cược	827.587.336	812.385.600
<b>Tổng</b>	<b>13.307.030.690</b>	<b>24.972.923.002</b>

**5.16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.560.193.214</b>	<b>4.334.247.497</b>
- Chi phí lãi vay	4.689.898.977	1.348.479.447
- Chi phí sửa chữa tàu		2.034.396.022
- Trích trước chi phí khác	870.294.237	951.372.028
<b>b) Dài hạn</b>	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**5.17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Cuối năm		Trong năm			Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Táng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>63.613.356.405</b>	<b>63.613.356.405</b>	<b>35.331.690.127</b>	<b>33.180.108.717</b>	<b>61.461.774.995</b>	<b>61.461.774.995</b>	<b>61.461.774.995</b>	
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>								
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (1)		-		21.322.886.844	21.322.886.844	21.322.886.844	21.322.886.844	
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (2)	32.583.666.465	32.583.666.465	19.228.792.097	10.681.115.753	24.035.990.121	24.035.990.121	24.035.990.121	
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (3)	31.029.689.940	31.029.689.940	16.102.898.030	1.176.106.120	16.102.898.030	16.102.898.030	16.102.898.030	
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>45.972.945.285</b>	<b>45.972.945.285</b>	<b>1.008.438.799</b>	<b>35.331.690.127</b>	<b>80.296.196.613</b>	<b>80.296.196.613</b>	<b>80.296.196.613</b>	
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (2)	29.508.901.394	29.508.901.394	647.292.030	19.228.792.097	48.090.401.461	48.090.401.461	48.090.401.461	
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (3)	16.464.043.891	16.464.043.891	361.146.769	16.102.898.030	32.205.795.152	32.205.795.152	32.205.795.152	
<b>Cộng</b>	<b>109.586.301.690</b>	<b>109.586.301.690</b>	<b>36.340.128.926</b>	<b>68.511.798.844</b>	<b>141.757.971.608</b>	<b>141.757.971.608</b>	<b>141.757.971.608</b>	

(1): Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 103/MSBHCN-VFR ngày 31/12/2007 và Phụ lục hợp đồng số 103.01/2013/PLHĐTD ngày 02/07/2013. Tổng số tiền vay là 12.070.000 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất áp dụng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam cộng 2%/năm, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chờ hàng trọng tải 8.000 DWT (Tàu Vietfracht Glory), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay đã được tái toán, trả ngày 16/11/2018.

(2): Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2011/HĐTDDH/PGB-HO ngày 09/06/2011 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12/11/2013. Tổng số tiền vay là 7.125.000 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất vay được điều chỉnh theo từng đợt thông báo của Ngân hàng, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay áp dụng đến ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chờ hàng trọng tải 14.187 DWT (Tàu Blue Lotus), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(3): Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2010/HĐTDDH/PGB-HO ngày 05/10/2010 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12/11/2013. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất vay được điều chỉnh theo từng đợt thông báo của Ngân hàng, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay áp dụng đến ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chờ hàng trọng tải 8.934 DWT (Tàu Thăng Long), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**Mẫu số B 09 - DN****5.18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>150.000.000.000</b>		<b>33.013.831.925</b>	<b>3.410.429.248</b>	<b>28.445.870.628</b>	<b>214.870.131.801</b>
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	42.555.634.280	42.555.634.280
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>150.000.000.000</b>		<b>33.013.831.925</b>	<b>3.410.429.248</b>	<b>71.001.504.908</b>	<b>257.425.766.081</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	(53.809.122.438)	(53.809.122.438)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(19.900.591.000)	(19.900.591.000)
<i>Phân phối lợi nhuận (*)</i>	-	-	-	-	(19.900.591.000)	(19.900.591.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>150.000.000.000</b>		<b>33.013.831.925</b>	<b>3.410.429.248</b>	<b>(2.708.208.530)</b>	<b>183.716.052.643</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận 2017 theo nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26/04/2018 cụ thể:

- Thủ lao HĐQT và Ban kiểm soát	401.700.000
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.498.891.000
- Lợi nhuận chia cổ tức 12% Vốn điều lệ	18.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>19.900.591.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Cuối năm	Đầu năm
Bà Dương Thị Huệ	19,05%	28.576.000.000	28.576.000.000
Bà Vũ Thị Hạnh	16,69%	25.038.190.000	25.038.190.000
Bà Đỗ Thị Huyền Thanh	13,91%	20.865.160.000	20.865.160.000
Các cổ đông khác	50,35%	75.520.650.000	75.520.650.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	33.013.831.925	33.013.831.925
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.047.900.391	21.931.891

f) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

**5.19 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH****6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
<b>a) Doanh thu</b>	<b>186.565.494.318</b>	<b>204.422.676.632</b>
- Doanh thu dịch vụ vận tải biển	115.367.580.664	108.660.886.532
- Doanh thu dịch vụ giao nhận vận tải	46.405.936.263	61.917.505.436
- Doanh thu cung cấp dịch vụ kinh doanh kho bãi	14.312.009.739	18.006.837.122
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	10.479.967.652	15.837.447.542
<b>Cộng</b>	<b>186.565.494.318</b>	<b>204.422.676.632</b>

**6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**6.3 . GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

- Giá vốn dịch vụ vận tải biển
- Giá vốn dịch vụ giao nhận vận tải
- Giá vốn cung cấp dịch vụ kinh doanh kho bãi
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác
- Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	127.963.809.581	150.033.760.869
	42.846.649.756	58.607.116.046
	13.146.793.948	16.624.792.692
	7.095.235.079	9.191.279.750
	<b>191.052.488.364</b>	<b>234.456.949.357</b>

**6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi bán các khoản đầu tư
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm
- Doanh thu tài chính khác
- Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	1.958.118.212	1.004.205.724
	-	88.011.929.680
	9.273.800.499	15.699.954.458
	509.276.322	389.903.543
	624.856.042	584.362.715
	40	300.000
	<b>12.366.051.115</b>	<b>105.690.656.120</b>

**6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm
- Dự phòng tổn thất khoản đầu tư
- Chi phí tài chính khác
- Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	5.088.364.087	7.004.298.699
	4.028.118.900	218.150.605
	41.520.630	
	1.066.633.513	52.640.181
	13	-
	<b>10.224.637.143</b>	<b>7.275.089.485</b>

**6.6 . THU NHẬP KHÁC**

- Lãi do thanh lý tài sản
- + Thu từ thanh lý tài sản
- + Chi từ thanh lý tài sản
- Các khoản khác
- Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	757.050.290	1.382.978.100
	1.225.000.000	
	467.949.710	
	1.202.310.007	
	<b>1.959.360.297</b>	<b>1.382.978.100</b>

**6.7 . CHI PHÍ KHÁC**

- Lỗ do thanh lý tài sản
- + Thu từ thanh lý tài sản
- + Chi từ thanh lý tài sản
- Các khoản khác từ hoạt động thanh lý
- Các khoản khác
- Cộng**

	Năm nay	Năm trước
	34.855.594.072	
	29.760.000.000	
	64.615.594.072	
	6.876.007.964	
	138.042.484	204.789.425
	<b>41.869.644.520</b>	<b>204.789.425</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>6.8 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	<b>10.308.843.976</b>	<b>29.045.543.261</b>
Chi phí nhân viên	2.597.771.000	7.835.960.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	721.597.761	818.939.795
Chi phí nguyên liệu vật liệu	84.267.254	235.572.194
Chi phí dự phòng		268.288.300
Thuế, phí và lệ phí	874.183.325	1.362.951.799
Chi phí bằng tiền	3.235.152.259	1.590.904.041
Xóa nợ cho Ocen Elean Shipping Corp	-	11.697.958.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.795.872.377	5.234.967.994
<b>6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.112.544.482	43.210.149.805
Chi phí nhân công	28.301.558.722	36.457.702.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.842.077.624	47.441.798.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.840.443.353	114.938.506.388
Chi phí bằng tiền khác	10.264.708.159	22.007.309.540
<b>Cộng</b>	<b>201.361.332.340</b>	<b>264.055.467.065</b>
<b>6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>a. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(52.564.708.273)	39.388.063.144
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	92.146.562	287.845.973
+ Chi phí không được trừ	92.146.562	287.845.973
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	9.273.800.499	39.675.909.117
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.273.800.499	15.699.954.458
+ Chuyển lỗ	-	23.975.954.659
Tổng thu nhập chịu thuế	(61.746.362.210)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	-	-
<b>b. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản		1.125.876.180
Thu nhập chịu thuế TNDN		1.125.876.180
Chi phí thuế TNDN hiện hành từ HĐKD bất động sản		225.175.236
<b>6.11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.244.414.165	(2.266.870.192)
<b>7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>		
<b>8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC</b>		
<b>8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác</b>		
<b>8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính</b>		
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng này.		

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN****8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Năm nay

Mẫu số B 09 - DN

CHỈ TIÊU	Hoạt động vận tài biến	Hoạt động giao nhận vận tải	Hoạt động kinh doanh kho bãi	Hoạt động kinh doanh khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	115.367.580.664	46.405.936.263	14.312.009.739	10.479.967.652	186.565.494.318
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	127.963.809.581	42.846.649.756	13.146.793.948	7.095.235.079	191.052.488.364
Lợi nhuận gộp	<b>(12.596.228.917)</b>	<b>3.559.286.507</b>	<b>1.165.215.791</b>	<b>3.384.732.573</b>	<b>(4.486.994.046)</b>
Tổng giá trị còn lại của tài sản					336.997.663.818
Nợ phải trả					153.281.611.175
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)					490.364.268
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					61.102.625.657
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn					
Năm trước					
CHỈ TIÊU	Hoạt động vận tài biến	Hoạt động giao nhận vận tải	Hoạt động kinh doanh kho bãi	Hoạt động kinh doanh khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	108.660.886.532	61.917.505.436	18.006.837.122	15.837.447.542	204.422.676.632
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	150.033.760.869	58.607.116.046	16.624.792.692	9.191.279.750	234.456.949.357
Lợi nhuận gộp	<b>(41.372.874.337)</b>	<b>3.310.389.390</b>	<b>1.382.044.430</b>	<b>6.646.167.792</b>	<b>(30.034.272.725)</b>
Tổng giá trị còn lại của tài sản					453.011.534.314
Nợ phải trả					195.585.768.233
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)					55.000.000
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					68.775.407.110



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI VÀ THUẾ TÀI**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường trong nước và thị trường nước ngoài. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Năm nay

CHỈ TIÊU	Trong nước	Nước ngoài	TỔNG CỘNG
Doanh thu	71.197.913.654	115.367.580.664	186.565.494.318
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
Giá vốn hàng bán	63.088.678.783	127.963.809.581	191.052.488.364
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>8.109.234.871</b>	<b>(12.596.228.917)</b>	<b>(4.486.994.046)</b>

Năm trước

CHỈ TIÊU	Trong nước	Nước ngoài	TỔNG CỘNG
Doanh thu	95.761.790.100	108.660.886.532	204.422.676.632
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
Giá vốn hàng bán	84.423.188.488	150.033.760.869	234.456.949.357
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>11.338.601.612</b>	<b>(41.372.874.337)</b>	<b>(30.034.272.725)</b>

#### 8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ

Trong năm, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định thành lập 03 Công ty TNHH MTV do Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu làm chủ sở hữu, chi tiết như sau :

- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201865444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 05/04/2018, thay đổi lần thứ 1 ngày 10/08/2018. Vốn điều lệ 30 tỷ VND. Hoạt động từ tháng 7/2018.

- Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314972461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/04/2018 và thay đổi lần thứ 3 tại 08/05/2018. Vốn điều lệ 12 tỷ VND. Hoạt động từ tháng 7/2018.

- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108209134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/04/2018. Vốn điều lệ 12 tỷ VND. Hoạt động từ tháng 7/2018

#### 8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

#### 8.6 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

##### (i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### *Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

##### (ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### (iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

<b>Ngày 31/12/2018</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.101.362.905	-	12.101.362.905
Phải thu khách hàng	9.865.532.534	-	9.865.532.534
Phải thu về cho vay	6.911.251.142	-	6.911.251.142
Đầu tư	-	117.622.569.200	117.622.569.200
Phải thu khác	10.043.539.320	717.083.957	10.760.623.277
<b>Trừ:</b>	<b>(1.365.994.972)</b>	<b>(1.409.794.718)</b>	<b>(2.775.789.690)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.365.994.972)	-	(1.365.994.972)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(1.409.794.718)	(1.409.794.718)
<b>Tổng cộng</b>	<b>37.555.690.929</b>	<b>116.929.858.439</b>	<b>154.485.549.368</b>
Các khoản vay và nợ	63.613.356.405	45.972.945.285	109.586.301.690
Phải trả người bán	11.805.551.639	-	11.805.551.639
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	12.148.408.453	6.718.815.451	18.867.223.904
<b>Tổng cộng</b>	<b>87.567.316.497</b>	<b>52.691.760.736</b>	<b>140.259.077.233</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(50.011.625.568)</b>	<b>64.238.097.703</b>	<b>14.226.472.135</b>
<b>Ngày 01/01/2018</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.178.300.710	-	10.178.300.710
Phải thu khách hàng	9.641.076.639	-	9.641.076.639
Phải thu về cho vay	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Đầu tư	-	85.902.569.200	85.902.569.200
Phải thu khác	24.058.358.440	825.001.000	24.883.359.440
<b>Trừ:</b>	<b>(1.365.994.972)</b>	<b>(343.161.205,00)</b>	<b>(1.709.156.177)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.365.994.972)	-	(1.365.994.972)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(343.161.205)	(343.161.205)
<b>Tổng cộng</b>	<b>82.511.740.817</b>	<b>86.384.408.995</b>	<b>168.896.149.812</b>
Các khoản vay và nợ	61.461.774.995	80.296.196.613	141.757.971.608
Phải trả người bán	11.481.285.495	-	11.481.285.495
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	23.316.852.430	5.990.318.069	29.307.170.499
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.259.912.920</b>	<b>86.286.514.682</b>	<b>182.546.427.602</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(13.748.172.103)</b>	<b>97.894.313</b>	<b>(13.650.277.790)</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Đơn vị tính: VND
	31/12/2018	01/01/2018	
<b>Tài sản tài chính</b>			
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	
Các khoản phải thu về cho vay	6.911.251.142	40.000.000.000	40.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.260.160.839	33.158.441.107	33.158.441.107
Tài sản tài chính khác	-	-	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	116.212.774.482	85.559.407.995	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.101.362.905	10.178.300.710	10.178.300.710
<b>Tổng cộng</b>	<b>154.485.549.368</b>	<b>168.896.149.812</b>	<b>(*)</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Vay và nợ	109.586.301.690	141.757.971.608	141.757.971.608
Phải trả người bán	11.805.551.639	11.481.285.495	11.481.285.495
Phải trả khác	13.307.030.690	24.972.923.002	13.307.030.690
<b>Tổng cộng</b>	<b>134.698.884.019</b>	<b>178.212.180.105</b>	<b>134.698.884.019</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

(\*): Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài Chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**8.7 . Thông tin về các bên liên quan****a) Các bên liên quan**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Kho vận Vietfrach Hưng Yên	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con
- Công ty TNHH HEUNG-A SHIPPING Việt Nam	Công ty liên kết
- Công ty TNHH Hankyu Hanshin Express Việt Nam	Công ty liên kết
- Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht	Công ty liên kết
- Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp

**Giao dịch với các bên liên quan**

Ngoài thuyết minh giao dịch với các bên liên quan đã nêu trên, trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Đơn vị tính: VND
		Giá trị
- Công ty Cổ phần Kho vận Vietfrach Hưng Yên	Thanh toán chi phí bốc xếp	1.540.000
	Phải trả chi phí bốc xếp	1.540.000
	Cổ tức lợi nhuận được chia	1.886.395.061
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hà Nội	Phải thu khác	4.645.305.000
	Thu từ Phải thu khác	4.645.305.000
	Thu từ các khoản phải trả khác	360.000.000
	Phải trả khác	1.811.247.500
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ	2.264.416.000
	Thu từ cung cấp dịch vụ	2.264.416.000
	Phải thu khác	16.570.600
	Thu từ Phải thu khác	16.983.599
- Công ty TNHH MTV Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ	1.269.903.366
	Phải thu khác	23.256.982.585
	Thu từ Phải thu khác	23.254.487.938



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

- Công ty TNHH Hankyu Hanshin Express Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	1.743.142.310
	Thu từ cung cấp dịch vụ	1.825.151.316
	Cổ tức lợi nhuận được chia	6.334.652.226
- Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht	Cung cấp dịch vụ	306.461.248
	Thu từ cung cấp dịch vụ	416.485.706
	Phí đại lý, cước vận chuyển	1.247.234.887
	Phải trả phí đại lý, cước vận chuyển	1.410.597.413
- Công ty TNHH HEUNG-A SHIPPING Việt Nam	Phải thu khác	14.341.102.216
	Thu từ Phải thu khác	15.835.015.996
	Nhận ký quỹ, ký cược	400.000.000
- Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	2.474.014.114
	Thu từ cung cấp dịch vụ	2.682.024.189
	Phải thu khác	443.599.623
	Thu từ phải thu khác	495.607.517
	Nhận ký quỹ, ký cược	17.880.000
	Cổ tức lợi nhuận được chia	377.753.212

**b) Lương và thù lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Ông Đào Nguyên Đặng	Thành viên HĐQT	186.139.750
Ông Trần Bình Phú	Tổng Giám đốc	220.320.000
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng giám đốc	191.808.000
Ông Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng giám đốc	179.169.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>777.436.750</b>

**8.8 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét và kiểm toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU**

Địa chỉ: Số 74, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

Số đầu năm trên Báo cáo tài chính riêng đã được phân loại lại cho phù hợp. Cụ thể như sau:

\*/ Các chỉ tiêu thay đổi trên Bảng cân đối Kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo BCKT Riêng 2017	Số điều chỉnh	Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phân loại lại
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>353.057.225.975</b>	<b>2.266.870.192</b>	<b>355.324.096.167</b>
V. Tài sản dài hạn khác	260	8.981.681.307	2.266.870.192	11.248.551.499
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	2.266.870.192	2.266.870.192
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>450.744.664.122</b>	<b>2.266.870.192</b>	<b>453.011.534.314</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>197.033.539.710</b>	<b>(1.447.771.477)</b>	<b>195.585.768.233</b>
I. Nợ ngắn hạn	310	110.747.025.028	(1.447.771.477)	109.299.253.551
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	314	5.782.018.974	(1.447.771.477)	4.334.247.497
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>253.711.124.412</b>	<b>3.714.641.669</b>	<b>257.425.766.081</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	410	253.711.124.412	3.714.641.669	257.425.766.081
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421	67.286.863.239	3.714.641.669	71.001.504.908
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>450.744.664.122</b>	<b>2.266.870.192</b>	<b>453.011.534.314</b>

\*/ Các chỉ tiêu thay đổi trên Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo BCKT Riêng 2017	Số điều chỉnh	Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng phân loại lại
4. Giá vốn hàng bán	11	235.904.720.834	(1.447.771.477)	234.456.949.357
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	39.066.167.847	1.447.771.477	40.513.939.324
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	(2.266.870.192)	(2.266.870.192)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	38.840.992.611	3.714.641.669	42.555.634.280

**8.9 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.10 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Người lập

Lương Thị Hà

Kế toán trưởng

Đào Nguyên Đặng



Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc

Trần Bình Phú